

BỘ TƯ PHÁP
Số: 2173/BTP-BTTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v góp ý kiến Dự án
Luật giám định tư pháp

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2011

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐĂK LĂK	
Số: 2338	
ĐẾN Ngày 28/4/11	Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk
Chuyên:	Thực hiện Nghị quyết số 48/2010/QH2 về Chương trình xây dựng Luật,

Pháp lệnh năm 2011, điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII, Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo dự án luật, pháp lệnh của Chính phủ thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 của Quốc hội, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Dự án Luật giám định tư pháp.

Để có thêm cơ sở cho việc hoàn thiện Dự án Luật giám định tư pháp trình Chính phủ vào tháng 6/2011, Bộ Tư pháp đề nghị Quý cơ quan/tổ chức tổ chức lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Luật giám định tư pháp và Dự thảo Tờ trình gửi kèm theo.

Văn bản góp ý kiến đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Bộ trợ tư pháp) trước ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Trong trường hợp cần thông tin chi tiết, đề nghị liên lạc với đồng chí Nga theo số điện thoại 04.62739507 (hoặc 0915262417).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan/tổ chức. *Dj*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, Vụ BTTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chính
Nguyễn Đức Chính

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - BTP
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ
DỰ ÁN LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Thực hiện Nghị quyết số 48/2010/QH2 về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011, điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII, Bộ Tư pháp được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng dự án Luật Giám định tư pháp. Bộ Tư pháp xin trình Chính phủ về dự án Luật này với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Pháp lệnh giám định tư pháp được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29/9/2004, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2005. Sau 5 năm triển khai thi hành Pháp lệnh, công tác giám định tư pháp đã đạt được những kết quả nhất định. Hệ thống tổ chức giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự ở Trung ương và địa phương đã được củng cố, kiện toàn một bước, cụ thể là: đã thành lập Viện Pháp y Quốc gia, Viện giám định Pháp y tâm thần thuộc Bộ Y tế, 33 Trung tâm Pháp y, 11 Trung tâm giám định pháp y tâm thần và 16 Phòng giám định pháp y cấp tỉnh; Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an tiếp tục phát triển là tổ chức đầu ngành đạt tiêu chuẩn khu vực làm nòng cốt, làm cơ sở kiện toàn các Phòng kỹ thuật hình sự ở Công an cấp tỉnh. Đội ngũ giám định viên tư pháp đã được tăng cường, tính đến tháng 9 năm 2010 đã có 2928 giám định viên được cấp thẻ giám định tư pháp trên các lĩnh vực. Cơ sở vật chất, phương tiện công tác và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho hoạt động giám định đã bước đầu được chú trọng, Viện Pháp y Quốc gia đã được trang bị một số thiết bị chuyên dụng hiện đại, một số Trung tâm pháp y tỉnh đã được cấp đất xây dựng trụ sở và được trang bị phương tiện cần thiết cho hoạt động giám định, Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương và các Trung tâm pháp y tâm thần ở cấp tỉnh cũng bước đầu được đầu tư cơ sở vật chất; hệ thống tổ chức giám định kỹ thuật hình sự và pháp y trong lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân được trang bị khá đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học. Hoạt động giám định tư pháp đã góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và đáp ứng một phần cầu của xã hội. Công tác quản lý Nhà nước về giám định tư pháp bước đầu được đổi mới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Tuy nhiên, sau 5 năm triển khai thi hành Pháp lệnh giám định tư pháp, công tác giám định tư pháp đã bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập như sau:

2.1. Chủ trương xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp trong Pháp lệnh giám định tư pháp còn thiếu các quy định cụ thể về điều kiện, giải pháp thực hiện như quy định về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp của các tổ chức chuyên môn, chuyên gia thuộc các khu vực kinh tế khác nhau; cơ chế giải quyết, điều phối hoạt động giám định, quản lý người giám định tư pháp trong các lĩnh vực giám định không có tổ chức giám định, thiếu các quy định về thu và quản lý, sử dụng phí giám định...

2.2. Hiện còn 14 địa phương vẫn duy trì hình thức tổ chức giám định pháp y, 18 địa phương mặc dù có Bệnh viện tâm thần cấp tỉnh nhưng chưa thành lập được Trung tâm Giám định pháp y tâm thần theo quy định của Pháp lệnh giám định tư pháp mà vẫn duy trì hình thức tổ chức giám định pháp y tâm thần theo quy định của Nghị định 117/HĐBT ngày 21/7/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về giám định tư pháp. Các địa phương đã thành lập được tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần thì hầu hết đều thiếu giám định viên, không có trụ sở riêng, thiếu kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho việc giám định tư pháp, nhất là các Phòng Giám định pháp y thuộc Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

2.3. Nhiều việc giám định được thực hiện trước khi khởi tố điều tra và trong quá trình thi hành án hình sự nhưng chưa được tính đến và quy định cụ thể trong Pháp lệnh giám định tư pháp.

Trên thực tế, khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật xảy ra, việc xác định mức độ thiệt hại tài sản, mức độ thương tích hoặc tổn hại sức khỏe ở một số loại tội phạm cần phải được thực hiện trước khi khởi tố vụ án để làm căn cứ ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can, do vậy trong trường hợp này, cơ quan điều tra đã thực hiện giám định trước khi có quyết định khởi tố vụ án và các cơ quan tiến hành tố tụng đã sử dụng kết luận giám định này trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng quy định khái niệm "giám định tư pháp" trong Pháp lệnh không bao quát được nội dung này.

2.4. Pháp lệnh giám định tư pháp quy định người giám định tư pháp bao gồm: giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc. Tuy nhiên, Pháp lệnh giám định tư pháp lại có quy định tổ chức chuyên môn cũng được trưng cầu thực hiện giám định nhưng chưa có quy định cụ thể bảo đảm để tổ chức chuyên môn tham gia thực hiện giám định, chưa quy định rõ ràng trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu tổ chức được trưng cầu giám định tư pháp nên việc tham gia giám định của các tổ chức chuyên môn hiện nay còn rất hạn chế.

2.5. Thực tế cho thấy, quản lý nhà nước về giám định tư pháp có nơi có lúc còn buông lỏng hoặc chông chéo, nhiều Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa thực sự quan tâm, chăm lo đến tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở Bộ, ngành và địa phương mình. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý giám định tư pháp nhưng quyền hạn của Bộ Tư pháp được quy định trong pháp lệnh chưa xứng tầm; công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động giám định tư pháp hầu như còn bỏ ngõ.

2.6. Pháp lệnh giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn chưa quy định trách nhiệm của các cơ quan tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án với công tác giám định tư pháp, chưa quy định cơ chế phối hợp giữa

các cơ quan này với các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp. Do đó việc đánh giá số lượng, chất lượng giám định và hoạch định chính sách về giám định tư pháp đã gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

3. Những hạn chế, yếu kém trong công tác giám định tư pháp nói chung, những “điểm nghẽn” về giám định tư pháp trong một số hoạt động tố tụng nói riêng có nhiều nguyên nhân, song tựu trung lại bởi một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

3.1. Sự quan tâm; nhận thức của các ngành, các cấp về bản chất, vai trò, ý nghĩa của giám định tư pháp đối với cải cách tư pháp, đối với việc bảo đảm sự ổn định phát triển kinh tế - xã hội còn rất hạn chế, chưa đầy đủ.

3.2. Các quy định về tổ chức, hoạt động, quản lý giám định chưa đầy đủ, cụ thể và thống nhất, chưa có sự đồng bộ, liên thông giữa các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và các văn bản pháp luật về giám định tư pháp nên các xung đột pháp luật liên quan đến giám định tư pháp chưa được giải quyết một cách hợp lý, triệt để.

3.3. Sự phối hợp giữa giữa các Bộ, ngành và địa phương trong quản lý công tác giám định tư pháp còn lỏng lẻo, chưa hiệu quả.

3.4. Lợi ích của các tổ chức, cá nhân thực hiện giám định chưa được bảo đảm trong mối tương quan hợp lý với nguyên tắc, quy luật dịch vụ, hàng hóa trong cơ chế kinh tế thị trường.

3.5. Nguồn kinh phí cho việc trưng cầu và thực hiện giám định tư pháp chưa được bảo đảm, nhất là trong tố tụng hình sự chưa có chi ngân sách riêng bảo đảm cho việc trưng cầu, thực hiện giám định.

Trước yêu cầu thực tiễn của công tác giám định tư pháp và đề thể chế hoá hơn nữa chủ trương cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020, tạo cơ sở pháp lý cao để phát triển mạnh mẽ hoạt động giám định tư pháp, đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng cao của hoạt động tố tụng và xã hội, thì việc xây dựng, ban hành Luật giám định tư pháp trên cơ sở nâng tầm Pháp lệnh Giám định tư pháp và có sự liên thông, đồng bộ với các quy định của pháp luật tố tụng là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành

Mục đích chung của việc ban hành Luật Giám định tư pháp là tạo cơ sở pháp lý cao, vững chắc để củng cố, phát triển tổ chức, hoạt động giám định tư pháp nhằm tạo chuyên môn mạnh mẽ, đột phá về chất lượng và hiệu quả hoạt động giám định tư pháp, đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng cao của hoạt động tố tụng; góp phần vào việc nâng cao chất lượng của hoạt động tố tụng mà trọng tâm là bảo đảm việc phán quyết của tòa án được chính xác, khách quan và đúng pháp luật, góp phần bảo đảm công lý, công bằng xã hội, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân ngoài hoạt động tố tụng, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luật Giám định tư pháp xác định sẽ hướng tới thực hiện có hiệu quả 7 mục tiêu cụ thể như sau:

1.1. Bảo đảm mọi trung cầu, yêu cầu giám định trong hoạt động tố tụng được đáp ứng kịp thời, chất lượng; bảo đảm việc thực hiện giám định ở mọi lĩnh vực được chính xác, khách quan, phục vụ đắc lực cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án (hình sự).

1.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho đương sự trong việc chủ động tìm kiếm chứng cứ, góp phần tích cực trong việc bảo đảm thực thi chủ trương mở rộng dân chủ trong tố tụng, tăng cường tranh tụng tại phiên toà theo tinh thần cải cách tư pháp bằng việc quy định quyền tự mình, trực tiếp yêu cầu giám định của người dân trong tố tụng dân sự.

1.3. Hoàn thiện hệ thống tổ chức giám định tư pháp theo hướng xã hội hóa với mức độ hợp lý hoạt động giám định tư pháp, huy động tốt hơn nữa nguồn lực của xã hội cho việc phát triển giám định tư pháp, đảm bảo hoạt động giám định tư pháp đạt chất lượng và hiệu quả.

1.3.1. Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự.

1.3.2. Xây dựng, phát triển mạng lưới các tổ chức chuyên môn có năng lực trong các lĩnh vực không có tổ chức giám định tư pháp: văn hóa, tài chính-kế toán, xây dựng, môi trường, thông tin và truyền thông, sở hữu trí tuệ... và tạo điều kiện, thu hút các tổ chức này tham gia tích cực vào hoạt động giám định tư pháp.

1.3.3. Cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp (tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập) để huy động tốt hơn nữa các nguồn lực của xã hội cho hoạt động giám định tư pháp.

1.4. Xây dựng, củng cố và phát triển đội ngũ người giám định tư pháp đủ về số lượng, đáp ứng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có kiến thức pháp lý cần thiết bảo đảm đáp ứng yêu cầu giám định, phục vụ đắc lực hoạt động tố tụng trước yêu cầu ngày càng cao của cải cách tư pháp.

1.5. Bảo đảm chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ người giám định tư pháp và các tổ chức chuyên môn tham gia hoạt động giám định tư pháp.

1.6. Bảo đảm cơ sở vật chất (trụ sở, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định) cho các tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự theo hướng hiện đại, có trọng tâm trọng điểm và bảo đảm hiệu quả đầu tư.

1.7. Bảo đảm quản lý nhà nước đồng bộ, hiệu quả và đi vào thực chất, khắc phục những hạn chế, yếu kém, bất cập trong hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp hiện nay, tăng cường và phân định rõ nội dung quản lý cũng như vai trò, trách nhiệm của từng ngành, từng cấp đối với công tác giám định tư pháp; đồng thời xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với công tác giám định tư pháp.

2. Quan điểm chỉ đạo

Luật Giám định tư pháp được xây dựng trên cơ sở 5 quan điểm chỉ đạo sau:

2.1. Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về giám định tư pháp trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

2.2. Kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thành quy định của luật.

2.3. Luật Giám định tư pháp được xây dựng phù hợp với Hiến pháp và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam; bảo đảm gắn kết, liên thông, đồng bộ giữa Luật Giám định tư pháp với các quy định của pháp luật tổ tụng theo tinh thần và yêu cầu của cải cách tư pháp.

2.4. Luật Giám định tư pháp phải bảo đảm tính khả thi; bảo đảm cơ sở vật chất cho các tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự; chế độ đãi ngộ đối với các cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp (chế độ ngạch bậc lương, chế độ phụ cấp đặc thù nghề nghiệp, phụ cấp thâm niên)...bảo đảm kinh phí cho cơ quan tiến hành tổ tụng chi trả chi phí thực hiện giám định trong tổ tụng hình sự...

Luật Giám định tư pháp phải tạo cơ sở pháp lý cao để giải quyết có hiệu quả những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong hoạt động giám định tư pháp, khai thông những "điểm nghẽn" về giám định tư pháp trong hoạt động tổ tụng, xác lập vị trí đúng tầm của hoạt động giám định tư pháp trong hoạt động tổ tụng, cải cách tư pháp và trong xã hội, góp phần quan trọng vào việc thực hiện cải cách tư pháp, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.5. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phù hợp của một số nước, đặc biệt là các nước có điều kiện tương tự như Việt Nam về giám định tư pháp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII, Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan xây dựng Dự án Luật Giám định tư pháp. Ngày 01/8/2008, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1399/QĐ-BTP Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định thành lập Ban soạn thảo dự án Luật Giám định tư pháp gồm 13 thành viên là Lãnh đạo, đại diện Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương và đại diện các bộ, ngành có liên quan khác, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Trưởng ban. Do có sự thay đổi về nhân sự của một số Bộ, ngành có liên quan nên năm 2010, Ban soạn thảo dự án Luật được củng cố, kiện toàn cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ban soạn thảo đã rất khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho công tác soạn thảo dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 như:

1. Rà soát, hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về giám định tư pháp và đánh giá ưu điểm, nhược điểm của các văn bản quy phạm pháp luật này;
2. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương và các địa phương trong toàn quốc tiến hành tổng kết và tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Pháp lệnh Giám định tư pháp;
3. Nghiên cứu pháp luật về giám định tư pháp của một số nước trên thế giới; so sánh, đối chiếu với các quy định pháp luật và thực tiễn tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp ở nước ta;
4. Tiến hành đánh giá tác động kinh tế - xã hội của dự thảo Luật;
5. Tổ chức một số hội thảo khoa học có sự tham gia của đại diện các bộ, ngành ở Trung ương, các cơ quan tiến hành tố tụng, tổ chức giám định tư pháp ở trung ương và địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan để trao đổi về các nội dung cơ bản của dự thảo Luật;
6. Giới thiệu dự thảo Luật trên Trang thông tin của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến của nhân dân và tổ chức lấy ý kiến chính thức bằng văn bản của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức có liên quan về dự thảo Luật;

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật Giám định tư pháp gồm 8 chương với 58 điều, cụ thể như sau:

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 1 đến Điều 6), quy định về những vấn đề sau đây: định nghĩa giám định tư pháp; phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp; chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp.

CHƯƠNG II: GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 7 đến Điều 12), trong đó quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm giám định viên tư pháp; hồ sơ bổ nhiệm giám định viên tư pháp; thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp; các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp; hồ sơ miễn nhiệm giám định viên tư pháp; thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp; quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Chương này gồm 8 điều (từ Điều 13 đến Điều 20), trong đó quy định về hệ thống, chức năng, nhiệm vụ cơ bản của tổ chức giám định tư pháp công lập do Nhà nước thành lập trong lĩnh vực pháp pháp, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự và lĩnh vực khác (khi cần thiết); bảo đảm về cơ sở vật chất cho các tổ chức giám định tư pháp công lập; quy định về hình thức, tên gọi, điều kiện thành lập Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập - Văn phòng giám định tư pháp, cấp phép và đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

CHƯƠNG IV: CÁ NHÂN, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VỤ VIỆC

Chương này gồm 4 điều (từ Điều 24 đến Điều 27) quy định về điều kiện của người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức chuyên môn thực hiện giám định tư pháp, lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức chuyên môn thực hiện.

CHƯƠNG V. HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Chương này gồm 16 điều (từ Điều 28 đến Điều 43) quy định về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền trung cầu giám định; quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ việc dân sự khi tự mình yêu cầu giám định; quyền và nghĩa vụ của người thực hiện giám định tư pháp; quyền và nghĩa vụ của tổ chức được trung cầu giám định; văn bản trung cầu, yêu cầu giám định; giao, nhận đối tượng giám định; giám định cá nhân, giám định tập thể; Hội đồng giám định trong trường hợp giám định lại; văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định; kết luận giám định; hồ sơ giám định; những trường hợp cá nhân, tổ chức không được thực hiện giám định; các hành vi bị nghiêm cấm; trung cầu và sử dụng kết luận giám định do cá nhân, tổ chức ở nước ngoài thực hiện.

CHƯƠNG VI. PHÍ, CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Chương này gồm 05 điều (từ Điều 44 đến Điều 48), trong đó quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ chủ quản trong việc xây dựng và ban hành phí giám định tư pháp trong từng lĩnh vực giám định; tạm ứng, thanh toán phí giám định tư pháp; nguồn chi trả phí giám định tư pháp; chi phí giám định trong trường hợp các cá nhân, tổ chức yêu cầu cá nhân, tổ chức giám định thực hiện dịch vụ giám định theo nguyên tắc thoả thuận giữa các bên; các chính sách ưu đãi, chế độ đãi ngộ đối với các cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp.

CHƯƠNG VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Chương này gồm 7 điều (từ Điều 49 đến Điều 55) trong đó Điều 49 quy định về cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp; Điều 50 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp; Điều 51 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Điều 52 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của riêng Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Điều 53 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; Điều 54 quy định về trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân; Điều 55 quy định về trách nhiệm của Toà án nhân dân.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Chương này gồm Điều 56, Điều 57 và Điều 58 quy định về điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp.

2. Những nội dung cơ bản

2.1. Những nội dung hoàn toàn mới so với Pháp lệnh: giám định tư pháp và văn bản quy định chi tiết thi hành:

2.1.1. Yêu cầu giám định của đương sự trong tố tụng dân sự (Điều 1, khoản 2 Điều 28, Điều 30, Điều 34)

Một trong những nội dung cốt yếu của Chiến lược cải cách tư pháp là lấy tòa án và công tác xét xử làm trung tâm, lấy tranh tụng và mở rộng dân chủ trong hoạt động tố tụng là khâu đột phá, nên giám định tư pháp phải trở thành công cụ, phương tiện hữu hiệu, thiết thực cho các bên tố tụng sử dụng, phục vụ đắc lực cho việc tranh tụng của mình, nhất là trong tố tụng dân sự. Với tinh thần này, cần phải cho phép các bên đương sự có quyền tự mình trực tiếp yêu cầu tố chức, cá nhân chuyên môn thực hiện giám định như một phương cách tìm kiếm chứng cứ để thực hiện nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong tố tụng dân sự. Vì vậy, Luật Giám định tư pháp đã quy định: giám định được thực hiện theo yêu cầu trực tiếp của đương sự trong vụ việc dân sự cũng được coi là giám định tư pháp, đồng thời quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự - người yêu cầu giám định, về văn bản yêu cầu giám định và cơ chế chế cụ thể nhằm bảo đảm cho đương sự trong vụ việc dân sự chủ động tìm kiếm chứng cứ thông qua hoạt động giám định.

Từ các yêu cầu trên, dự thảo Luật quy định các kết luận giám định do người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp thực hiện theo yêu cầu của đương sự trong vụ việc dân sự cũng được xác định là kết luận giám định tư pháp

2.1.2. Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập (Điều 21, Điều 22, Điều 23)

Nhằm giảm bớt gánh nặng cho bộ máy, cho ngân sách nhà nước và tăng cường hoạt động giám định phục vụ cho hoạt động tố tụng, việc cho phép giám định viên tư pháp (không phải là công chức, viên chức) thành lập tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập để góp phần đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng và đáp ứng nhu cầu giám định ngoài tố tụng. Đây là nội dung thể chế hoá rõ nét chủ trương xã hội hoá hoạt động giám định tư pháp nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho sự phát triển công tác giám định tư pháp. Nội dung này nhận được sự nhất trí cao của các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình họp chính lý và hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Luật.

2.1.3. Lập và công bố danh sách các tổ chức chuyên môn thực hiện giám định (Điều 27)

Để khắc phục tình trạng thiếu thông tin, khó khăn trong việc tìm kiếm, lựa chọn, trưng cầu tổ chức chuyên môn thực hiện giám định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động tố tụng trong thời gian qua cũng như tạo cơ chế cụ thể, bảo đảm cho việc trưng cầu giám định trong các lĩnh vực không có tổ chức giám định tư pháp, dự thảo Luật Giám định tư pháp đã bổ sung quy định: Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành chuyên môn chủ quản ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lựa chọn các tổ chức chuyên môn,

lập và công bố danh sách các tổ chức chuyên môn ở các lĩnh vực không có tổ chức giám định tư pháp công lập như xây dựng, tài chính - kế toán, văn hoá...

2.1.4. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng (Điều Khoản 2 Điều 52, Điều 54, Điều 55)

Để khắc phục tình trạng thiếu thông tin, số liệu để đánh giá số lượng, chất lượng trung cầu, thực hiện giám định cũng như để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, giải pháp về giám định tư pháp từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng, dự thảo Luật Giám định tư pháp đã quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trong việc ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện thống kê về trung cầu, thực hiện giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng, hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về trung cầu, đánh giá, sử dụng kết luận giám định, bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

2.2. Những nội dung khác với Pháp lệnh và văn bản quy định chi tiết thi hành:

2.2.1. Người giám định tư pháp theo vụ việc (Điều 25)

Việc quy định người giám định theo vụ việc phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như đối với giám định viên tư pháp và phải công bố trước khi được trưng cầu như quy định hiện hành là không phù hợp với thực tế. Hơn nữa, trong điều kiện quốc tế hoá ngày càng sâu rộng, việc trưng cầu các tổ chức chuyên môn nước ngoài, người không phải là công dân Việt nam, các tổ chức nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam... thực hiện giám định theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam đang là một đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn. Vì thế, để giải toả những vướng mắc, khó khăn do hạn chế của quy định hiện hành, dự thảo Luật Giám định tư pháp quy định về người giám định tư pháp theo vụ việc theo hướng linh hoạt, mở hơn: "Người giám định tư pháp theo vụ việc là những người có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực cần giám định và có uy tín trong lĩnh vực đó, không phải là giám định viên tư pháp".

2.2.2. Bảo đảm cơ sở vật chất cho các tổ chức giám định tư pháp công lập (Điều 20)

Nhằm khắc phục tình trạng thiếu thốn, không bảo đảm về cơ sở vật chất cho các tổ chức giám định tư pháp, nhất là các tổ chức pháp y, pháp y tâm thần như hiện nay, dự thảo Luật đã quy định cụ thể việc bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho các tổ chức giám định tư pháp và giao trách nhiệm cho Bộ Y tế, Bộ Công an trong việc quy định danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định tối thiểu. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm trang bị và bảo đảm cho các tổ chức này.

2.2.3. Chính sách, chế độ ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp (Điều 47, Điều 48)

Ngoài các chế độ, chính sách mà Pháp lệnh giám định tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định, dự án Luật Giám định tư pháp còn quy

lập và công bố danh sách các tổ chức chuyên môn ở các lĩnh vực không có tổ chức giám định tư pháp công lập như xây dựng, tài chính - kế toán, văn hoá...

2.1.4. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng (Điều Khoản 2 Điều 52, Điều 54, Điều 55)

Để khắc phục tình trạng thiếu thông tin, số liệu để đánh giá số lượng, chất lượng trung cầu, thực hiện giám định cũng như để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, giải pháp về giám định tư pháp từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng, dự thảo Luật Giám định tư pháp đã quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trong việc ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện thống kê về trung cầu, thực hiện giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng, hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về trung cầu, đánh giá, sử dụng kết luận giám định, bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

2.2. Những nội dung khác với Pháp lệnh và văn bản quy định chi tiết thi hành:

2.2.1. Người giám định tư pháp theo vụ việc (Điều 25)

Việc quy định người giám định theo vụ việc phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như đối với giám định viên tư pháp và phải công bố trước khi được trưng cầu như quy định hiện hành là không phù hợp với thực tế. Hơn nữa, trong điều kiện quốc tế hoá ngày càng sâu rộng, việc trưng cầu các tổ chức chuyên môn nước ngoài, người không phải là công dân Việt nam, các tổ chức nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam... thực hiện giám định theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam đang là một đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn. Vì thế, để giải toả những vướng mắc, khó khăn do hạn chế của quy định hiện hành, dự thảo Luật Giám định tư pháp quy định về người giám định tư pháp theo vụ việc theo hướng linh hoạt, mở hơn: "Người giám định tư pháp theo vụ việc là những người có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực cần giám định và có uy tín trong lĩnh vực đó, không phải là giám định viên tư pháp".

2.2.2. Bảo đảm cơ sở vật chất cho các tổ chức giám định tư pháp công lập (Điều 20)

Nhằm khắc phục tình trạng thiếu thốn, không bảo đảm về cơ sở vật chất cho các tổ chức giám định tư pháp, nhất là các tổ chức pháp y, pháp y tâm thần như hiện nay, dự thảo Luật đã quy định cụ thể việc bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho các tổ chức giám định tư pháp và giao trách nhiệm cho Bộ Y tế, Bộ Công an trong việc quy định danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định tối thiểu. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm trang bị và bảo đảm cho các tổ chức này.

2.2.3. Chính sách, chế độ ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp (Điều 47, Điều 48)

Ngoài các chế độ, chính sách mà Pháp lệnh giám định tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định, dự án Luật Giám định tư pháp còn quy

định: đối với đội ngũ giám định viên chuyên trách hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì có chế độ ngạch bậc lương riêng, chế độ phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ phụ cấp thâm niên và chế độ khác (nếu có); đối với tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập được hưởng chế độ ưu đãi về tín dụng, đất đai, thuế và các chính sách khác theo quy định của Chính phủ áp dụng cho các tổ chức xã hội hoá trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao...

2.2.4. Bảo đảm nguồn kinh phí cho các cơ quan tiến hành tố tụng chi trả phí giám định tư pháp

Pháp lệnh Giám định tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành chỉ quy định một nguyên tắc chung là phí giám định tư pháp trong các vụ án hình sự do cơ quan tiến hành tố tụng chi trả và được cấp từ ngân sách nhà nước theo dự toán hàng năm của cơ quan đó. Tuy nhiên, trên thực tế, cho đến nay, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện việc dự toán và chậm chi trả chế độ bồi dưỡng giám định và các chi phí cần thiết cho việc thực hiện giám định. Để khắc phục tình trạng này, dự thảo Luật Giám định tư pháp quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp Trung ương trong việc hướng dẫn, bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng của mình (điểm c, khoản 2 Điều 52; điểm c, khoản 1 Điều 54; điểm c, khoản 1 Điều 55).

2.2.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp (Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53)

Nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các Bộ chủ quản trong quản lý giám định tư pháp, dự thảo Luật đã quy định: Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm thực hiện việc quản lý và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc Bộ, ngành đó quản lý. Đồng thời, để tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành chuyên môn trong chăm lo và phát triển đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc các lĩnh vực, dự thảo Luật Giám định tư pháp đã quy định trách nhiệm của các Sở chuyên môn trong việc chủ trì, phối hợp lựa chọn người có đủ điều kiện để đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương, thay vì Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở chuyên môn trong việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp như quy định của Pháp lệnh Giám định tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành.

Dự thảo Luật quy định các Bộ chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý ở Bộ, ngành và địa phương mình, thay vì Bộ Tư pháp lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp như quy định của Pháp lệnh Giám định tư pháp.

Để tăng cường trách nhiệm của cơ quan giúp Chính phủ quản lý thống nhất về giám định tư pháp, Điều 50 của dự thảo Luật bổ sung thêm nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp trong việc đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp; yêu cầu Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

báo cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo thẩm quyền.

2.2.6. Thực hiện dịch vụ giám định của các tổ chức giám định tư pháp công lập, chi phí dịch vụ giám định (Khoản 3 Điều 13, Điều 46):

Thực tế cho thấy, ngoài việc phục vụ cho hoạt động tố tụng, các tổ chức giám định tư pháp công lập nhận được yêu cầu giám định của các cá nhân, tổ chức trong xã hội rất lớn để tự giải quyết các tranh chấp phát sinh, làm cơ sở cho hoà giải, bảo đảm cho các giao dịch dân sự, kinh tế, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước của một số cơ quan nhà nước... Việc các tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự phục vụ nhu cầu giám định ngoài tố tụng đem lại nhiều lợi ích, giá trị cho các tổ chức cá nhân có yêu cầu cũng như xã hội, nhà nước là rất lớn và thiết thực. Do đó, Nghị định số 67/2005/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh giám định tư pháp đã quy định: ngoài việc thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì các tổ chức giám định tư pháp còn được cung cấp dịch vụ giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức trong xã hội. Vì vậy, để tạo cơ sở pháp lý cao cho việc phát huy nguồn lực của các tổ chức giám định tư pháp công lập, dự thảo Luật Giám định tư pháp quy định nội dung này trong phần quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức giám định tư pháp công lập (khoản 3 Điều 13), thay vì quy định trong văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành như hiện nay.

Việc yêu cầu và thực hiện dịch vụ giám định là quan hệ dân sự nên mức chi phí thực hiện dịch vụ giám định không theo mức phí giám định tư pháp, mà được thực hiện nguyên tắc thông nhất, thoả thuận giữa tổ chức, cá nhân yêu cầu dịch vụ giám định với tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình soạn thảo, chỉnh lý, nhất là sau hai Hội thảo lấy ý kiến dự thảo Luật, nhìn chung, các ý kiến tham gia đều khẳng định việc sớm ban hành Luật Giám định tư pháp là rất cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý ở tầm luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong tình hình mới. Ban soạn thảo đã nghiêm túc nghiên cứu và tiếp thu nhiều ý kiến tham gia có cơ sở, lập luận xác đáng để chỉnh lý, đưa vào dự thảo Luật.

Tuy nhiên, còn có kiến khác nhau liên quan đến 03 nội dung của dự thảo Luật, cụ thể là: (1) Khái niệm giám định tư pháp và các vấn đề liên quan như phạm vi điều chỉnh, quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giám định, mối quan hệ giữa Luật Giám định tư pháp với pháp luật tố tụng; (2) Hệ thống tổ chức giám định pháp y; (3) Hệ thống tổ chức pháp y tâm thần.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật Giám định tư pháp, Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, ngành và các địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về 03 vấn đề có ý kiến khác nhau như sau:

1. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau:

1.1 Khái niệm giám định tư pháp (Điều 1) và các vấn đề có liên quan

Có ý kiến cho rằng giám định tư pháp chỉ là giám định được thực hiện theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền, do đó nên được giữ nguyên như quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh giám định tư pháp.

Tuy nhiên, đa số thành viên Ban soạn thảo, đại diện các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự hội thảo về dự án Luật Giám định tư pháp cho rằng, khái niệm giám định tư pháp hiện nay chưa phù hợp với tinh thần và yêu cầu của cải cách tư pháp, nhất là không phù hợp với nguyên tắc đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng dân sự. Do đó, khái niệm giám định tư pháp không nên bó khung theo chủ thể trung cầu giám định vốn chỉ thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, mà cần phải đổi mới theo hướng mở rộng chủ thể yêu cầu giám định cho phù hợp với tình hình mới trong điều kiện cải cách tư pháp. Vì vậy, Điều 1 của dự thảo Luật Giám định tư pháp đã quy định: *"Giám định tư pháp là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của đương sự trong vụ việc dân sự"*.

Với khái niệm giám định tư pháp đã được mở rộng hơn như trên thì phạm vi điều chỉnh của Luật Giám định tư pháp đã mở rộng hơn so với Pháp lệnh giám định tư pháp và điều chỉnh cả quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giám định, văn bản yêu cầu giám định khi đương sự tự mình trực tiếp yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

Mối quan hệ giữa Dự án Luật Giám định tư pháp và các quy định của pháp luật tố tụng

Hiện nay có một số nội dung, vấn đề về giám định tư pháp chưa được pháp luật tố tụng (Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính) quy định như việc đánh giá kết luận giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải tuân thủ theo những nguyên tắc cụ thể nào, căn cứ vào những yếu tố, cơ sở nào... để đánh giá, lựa chọn và sử dụng kết luận giám định, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án, nhất là trường hợp có sự khác nhau, thậm chí là trái ngược giữa các kết luận giám định về cùng một đối tượng giám định hoặc về cùng một vấn đề có liên quan trong một vụ án. Vậy thì vấn đề này cần phải được quy định ngay trong Luật Giám định tư pháp hay sẽ sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan về giám định trong Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính.

Trong trường hợp khái niệm giám định tư pháp được mở rộng đến chủ thể yêu cầu giám định là đương sự trong vụ việc dân sự như quy định tại Điều 1 của dự thảo Luật Giám định tư pháp, để bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa Luật Giám định tư pháp và pháp luật tố tụng thì Luật Giám định tư pháp thì sẽ phải có điều khoản quy định về việc sửa đổi, bổ sung quy định có liên quan trong Bộ luật tố tụng dân sự theo nguyên tắc một luật sửa nhiều luật, hoặc sẽ sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan trong Bộ luật tố tụng dân sự, mà không quy định trong Luật Giám định tư pháp.

Hiện nay còn có quan điểm khác nhau về xử lý những vấn đề, nội dung có sự giao thoa giữa dự thảo Luật Giám định tư pháp với pháp luật tố tụng.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, những vấn đề thuộc về trình tự, thủ tục trung tâm giám định, đánh giá kết luận giám định thuộc nội dung quy định của pháp luật tố tụng hình sự, dân sự, hành chính, cần để các Bộ luật, luật đó điều chỉnh, Luật Giám định tư pháp chỉ điều chỉnh, quy định những vấn đề, nội dung về tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp.

Quan điểm thứ hai cho rằng, để bảo đảm tính liên thông và đồng bộ giữa quy định của Luật Giám định tư pháp và pháp luật tố tụng thì vẫn có thể quy định việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung, vấn đề có liên quan của pháp luật tố tụng ngay trong Luật Giám định tư pháp để bảo đảm áp dụng thực hiện ngay theo kỹ thuật "một luật sửa nhiều luật".

1.2. Hệ thống tổ chức giám định pháp y

Đến nay, có hai luồng quan điểm về hệ thống tổ chức giám định pháp y ở nước ta như sau:

Quan điểm thứ nhất, với thực tiễn hiện nay của nước ta thì về cơ bản hệ thống tổ chức giám định pháp y cần được duy trì và phát triển trên nền tảng hệ thống tổ chức giám định pháp y hiện có trong cả 3 ngành: y tế, công an và quân đội, trong đó hệ thống cơ quan giám định pháp y trong ngành y tế là lực lượng nòng cốt, chủ đạo và cần ưu tiên tập trung đầu tư và phát triển; tổ chức giám định pháp y ở Bộ Công an vẫn cần phải duy trì để cùng với pháp y y tế đáp ứng kịp thời yêu cầu giám định pháp y hiện nay của hoạt động tố tụng, nhất là trong điều kiện lực lượng giám định pháp y còn mỏng, chưa thực sự đủ mạnh để đảm đương hoàn toàn yêu cầu giám định pháp y của thực tế, còn giám định viên pháp y ở công an cấp tỉnh thì cần được thu hút, chuyển về Trung tâm pháp y cấp tỉnh. Quan điểm này được thể hiện trong phương án 1 của dự thảo Luật Giám định tư pháp.

Quan điểm thứ hai cho rằng, cần củng cố, phát triển hệ thống tổ chức giám định pháp y do nhà nước thành lập theo hướng chỉ bao gồm Viện pháp y quốc gia, Trung tâm pháp y ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Viện Pháp y quân đội, đã đến lúc cần tính toán, sắp xếp lại tổ chức giám định pháp y, giám định viên pháp y trong lực lượng công an nhân dân. Việc ra đời và tồn tại tổ chức, giám định viên pháp y trong công an là do điều kiện lịch sử để lại, để đáp ứng yêu cầu giám định trong khi pháp y y tế chưa có, hoặc còn non yếu. Đến nay, hệ thống tổ chức giám định pháp y trong ngành y tế đã có, cần được củng cố, phát triển, nhất là trong xu hướng xã hội dân sự thì trong ngành công an không nên tiếp tục duy trì hoạt động giám định pháp y, mà nên được sáp nhập, thu hút về hệ thống pháp y trong ngành y tế. Do đó, hệ thống cơ quan giám định pháp y chỉ có ở trong ngành y tế và quân đội như phương án 2 trong dự thảo Luật Giám định tư pháp.

Tuy nhiên, trong trường hợp chuyển lực lượng giám định viên pháp y trong lực lượng công an sang pháp y y tế thì cần phải bảo đảm các điều kiện làm việc, chế độ, chính sách về lương, chế độ phụ cấp thâm niên... cho đội ngũ này do có sự thay đổi từ lực lượng vũ trang sang dân sự cũng như các chính sách bảo đảm khác.

Quan điểm thứ 3 cho rằng, hệ thống tổ chức giám định pháp y hiện đang có trong ngành y tế, công an và quân đội là tương đối phù hợp với thực tiễn. Do đó, đề nghị giữ nguyên hệ thống tổ chức giám định pháp y hiện nay như Pháp lệnh giám định tư pháp.

1.3. Hệ thống tổ chức giám định pháp y tâm thần

Hiện nay, Dự thảo Luật quy định hệ thống tổ chức giám định pháp y tâm thần như sau: Viện Giám định pháp y tâm thần Trung ương và các Phân viện của Viện Giám định pháp y tâm thần Trung ương đặt tại các khu vực.

Tuy nhiên, một số ý kiến khác cho rằng, nếu chỉ có Viện ở Trung ương và phân viện đặt tại một số khu vực thì không đáp ứng kịp thời được yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng và có nguy cơ phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi phải trung cầu giám định pháp y tâm thần vì đi lại xa, chi phí tốn kém, mất nhiều thời gian... Do đó, hệ thống tổ chức giám định pháp y tâm thần cần phải tính toán lại theo hướng: Viện Giám định pháp y tâm thần Trung ương, một vài Phân viện và Trung tâm Giám định pháp y tâm thần đặt ở một số khu vực. Về phương án này thì cũng còn có những băn khoăn về địa vị pháp lý của Trung tâm ở khu vực như sẽ thuộc Bộ Y tế hay của địa phương nơi đặt trụ sở, nếu thuộc Bộ Y tế thì vấn đề quản lý Trung tâm như thế nào, mối quan hệ với Viện Giám định pháp y tâm thần Trung ương ra sao? Còn nếu thuộc địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trung tâm đó đặt trụ sở sẽ thành lập và bảo đảm về nhân lực, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác nhưng lại phục vụ nhu cầu giám định của cả các địa phương khác trong khu vực thì có được không, trong khi có ảnh hưởng đến nguồn kinh phí, biên chế của địa phương đó.

Trên đây là những nội dung chính về dự thảo Luật Giám định tư pháp, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thành viên Chính phủ;
- UBTP, UBPL của QH;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Lưu: VT, Vụ BTTP.

BỘ TRƯỞNG

Hà Hùng Cường

Số:

Dự thảo

LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;
Quốc hội ban hành Luật giám định tư pháp.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giám định tư pháp

Giám định tư pháp là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của đương sự trong vụ việc dân sự.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về người giám định tư pháp; tổ chức thực hiện giám định tư pháp; hoạt động giám định tư pháp; phí giám định tư pháp; chế độ, chính sách đối người giám định tư pháp và tổ chức thực hiện giám định tư pháp; trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Người giám định tư pháp” là người có trình độ chuyên môn, có năng lực, kinh nghiệm ở lĩnh vực cần giám định, bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc.

2. “Tổ chức chuyên môn” là cơ quan nhà nước, trường đại học, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức khác có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật này không phải là tổ chức giám định tư pháp quy định tại Chương IV Luật này.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy trình, quy chuẩn chuyên môn.
2. Trung thực, kịp thời, chính xác, khách quan.
3. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề liên quan trong phạm vi được yêu cầu.

Điều 5. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp

1. Cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng.

2. Cá nhân, tổ chức khác có trách nhiệm tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nghiêm cấm cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi can thiệp, cản trở trái pháp luật việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp

1. Nhà nước đầu tư, phát triển hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập, bảo đảm đầy đủ về cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định tư pháp cho tổ chức giám định tư pháp công lập; có chính sách ưu đãi phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập phát triển.

2. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và có chính sách đãi ngộ đối với người giám định tư pháp.

CHƯƠNG II GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

Điều 7. Giám định viên tư pháp

Giám định viên tư pháp là người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 của Điều 8 và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Luật này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm.

Điều 8. Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở chuyên ngành đã học hoặc hoạt động trong một lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm từ năm năm trở lên;

c) Đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần thần và kỹ thuật hình sự phải có Chứng chỉ đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ giám định.

2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

c) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc quản chế hành chính.

3. Căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và đặc thù lĩnh vực giám định do Bộ, ngành mình quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn của giám định viên tư pháp.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đối với người là công chức, viên chức bao gồm:

a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo mẫu;

b) Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người được đề nghị bổ nhiệm;

c) Giấy xác nhận thời gian đã qua thực tế hoạt động chuyên môn theo ngành đã học hoặc thời gian hoạt động trong một lĩnh vực chuyên môn của người được đề nghị bổ nhiệm;

d) Chứng chỉ đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần thần và kỹ thuật hình sự.

2. Đối với người không phải là công chức, viên chức được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp thì ngoài văn bản, giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ sơ đề nghị phải có Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp.

Điều 10. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở Trung ương thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật này đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ bổ nhiệm giám định viên tư pháp thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý.

Giám đốc Sở chuyên môn quản lý lĩnh vực giám định tư pháp chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật này đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

Trong thời hạn chậm nhất hai mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bổ nhiệm giám định viên tư pháp. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị và nêu rõ lý do.

3. Giám định viên tư pháp thực hiện giám định kể từ ngày được bổ nhiệm. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên Công thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương mình và gửi về Bộ Tư pháp.

Điều 11. Miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật này;
- b) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên do cố ý vi phạm trong hoạt động chuyên môn;
- c) Bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về giám định tư pháp;
- d) Vi phạm một trong các hành vi quy định tại Điều 42 của Luật này;
- đ) Theo đề nghị của giám định viên tư pháp trong trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức có Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc.

2. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp;
- b) Các văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở Trung ương thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương theo đề nghị của Giám đốc Sở chuyên môn, sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp.

Trong thời hạn hai mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp

1. Giám định viên tư pháp có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện giám định tư pháp khi được cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu hoặc tổ chức chủ quản phân công;

b) Từ chối giám định trong trường hợp đối tượng giám định, các tài liệu liên quan được cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định; thời gian không đủ để thực hiện giám định hoặc có lý do chính đáng khác;

c) Thành lập Văn phòng giám định tư pháp;

d) Được thành lập, tham gia Hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội;

đ) Được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, khi thực hiện giám định tư pháp, giám định viên tư pháp còn có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 31 của Luật này.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP Mục 1 TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

Điều 13. Tổ chức giám định tư pháp công lập

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự (sau đây gọi chung là cơ quan giám định tư pháp).

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập cơ quan giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng, văn hóa, tài chính- kế toán và các lĩnh vực khác, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Cơ quan giám định tư pháp thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, theo yêu cầu của đương sự trong vụ việc dân sự theo quy định của Luật này.

3. Ngoài chức năng thực hiện giám định tư pháp quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan giám định tư pháp được cung cấp dịch vụ giám định ngoài tố tụng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện dịch vụ giám định ngoài tố tụng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức của cơ quan giám định tư pháp.

Phương án 1:

Điều 14. Cơ quan giám định pháp y

1. Viện Pháp y quốc gia.

2. Trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Viện Pháp y quân đội.

Điều 15. Viện Pháp y quốc gia

1. Viện Pháp y quốc gia là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, trụ sở riêng và trực thuộc Bộ Y tế.

2. Viện Pháp y quốc gia có Phân viện đặt tại các khu vực. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định thành lập Phân Viện theo đề nghị của Viện trưởng Viện Pháp y quốc gia, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 16. Trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trung tâm giám định pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Trung tâm giám định pháp y tỉnh) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và trực thuộc Sở Y tế.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trung tâm giám định pháp y tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế, sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp.

3. Bộ Y tế quy định mối quan hệ và cơ chế phối hợp giữa Trung tâm pháp y tỉnh và Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

Phương án 2:

Điều. Cơ quan giám định pháp y

1. Viện Pháp y quốc gia.

2. Trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Viện Pháp y quân đội.

4. Trung tâm giám định pháp y thuộc Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

Điều. Viện Pháp y quốc gia

1. Viện Pháp y quốc gia là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, trụ sở riêng và trực thuộc Bộ Y tế.

2. Viện Pháp y quốc gia có Phân viện đặt tại các khu vực. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định thành lập Phân Viện theo đề nghị của Viện trưởng Viện Pháp y quốc gia, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều. Trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Trung tâm pháp y tỉnh) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và trực thuộc Sở Y tế.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trung tâm giám định pháp y tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế, sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp.

3. Bộ Y tế quy định mối quan hệ và cơ chế phối hợp giữa Trung tâm pháp y tỉnh và Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

Điều 17. Cơ quan giám định pháp y tâm thần

1. Cơ quan giám định pháp y tâm thần là Viện Pháp y tâm thần Trung ương.
2. Viện Pháp y tâm thần Trung ương là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, trụ sở riêng và trực thuộc Bộ Y tế.
3. Viện Pháp y tâm thần Trung ương có Phân viện đặt tại các khu vực. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định thành lập Phân Viện theo đề nghị của Viện trưởng Viện Pháp y tâm thần Trung ương, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 18. Cơ quan giám định kỹ thuật hình sự

1. Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an.
2. Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng.

Điều 19. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan giám định tư pháp

Chính phủ quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan giám định tư pháp quy định tại Điều 14, Điều 17, Điều 18 của Luật này.

Điều 20. Bảo đảm về cơ sở vật chất

1. Cơ quan giám định tư pháp được Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định tư pháp.
2. Kinh phí hoạt động của cơ quan giám định tư pháp được bảo đảm từ các nguồn sau đây:
 - a) Ngân sách nhà nước cấp;
 - b) Phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;
 - c) Khoản thu từ việc thực hiện dịch vụ giám định ngoài tổ tụng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức.
 - d) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
3. Bộ Y tế quy định Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện giám định tối thiểu cho cơ quan giám định tư pháp ở Trung ương và địa phương trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần.

Bộ Công an quy định Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện giám định tối thiểu cho cơ quan giám định tư pháp ở Trung ương và địa phương trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự.

Mục 2 TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP NGOÀI CÔNG LẬP

Điều 21. Văn phòng giám định tư pháp

1. Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập được thành lập ở các lĩnh vực giám định về pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, xây dựng, văn hóa, tài chính - kế toán và các lĩnh vực khác.

2. Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập hoạt động dưới hình thức Văn phòng giám định tư pháp.

Văn phòng giám định tư pháp do một giám định viên tư pháp thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân.

Văn phòng giám định tư pháp do hai giám định viên tư pháp trở lên thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh. Văn phòng giám định được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh chỉ có thành viên hợp danh.

3. Văn phòng giám định tư pháp được thành lập và đăng ký hoạt động trong một lĩnh vực chuyên môn về giám định tư pháp quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Văn phòng giám định tư pháp thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, theo yêu cầu đương sự trong vụ việc dân sự theo quy định của Luật này.

5. Ngoài việc thực hiện chức năng giám định tư pháp quy định tại Khoản 4 Điều này, Văn phòng giám định tư pháp được cung cấp dịch vụ giám định ngoài tố tụng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

Điều 22. Điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp

1. Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng giám định tư pháp, thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp phải là giám định viên tư pháp, có ít nhất 5 năm là giám định viên tư pháp và không phải là công chức, viên chức.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng giám định tư pháp là Trưởng Văn phòng.

2. Có Đề án hoạt động nêu rõ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định phù hợp với lĩnh vực giám định.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của Văn phòng giám định tư pháp thuộc lĩnh vực chuyên môn do Bộ, ngành mình quản lý.

Điều 23. Cấp phép và đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp

1. Giám định viên tư pháp thành lập Văn phòng giám định tư pháp phải có hồ sơ xin phép thành lập gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi cư trú của giám định viên tư pháp, hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị thành lập;

- b) Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định tư pháp;
- c) Sơ yếu lý lịch của người đại diện theo pháp luật của Văn phòng giám định tư pháp;
- d) Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp nêu rõ mục đích thành lập, dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định và kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp phép hoạt động. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày nhận được quyết định cho phép thành lập, Văn phòng giám định tư pháp phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp, nơi giám định viên tư pháp xin phép thành lập cư trú. Khi đăng ký hoạt động phải có đơn đăng ký hoạt động và các giấy tờ chứng minh về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định.

Trong thời hạn bốn mươi lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp phối hợp với Sở chuyên môn quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp thẩm định các điều kiện hoạt động theo Đề án quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này của Văn phòng giám định tư pháp và cấp giấy đăng ký hoạt động. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Văn phòng giám định tư pháp được hoạt động kể từ ngày được cấp giấy đăng ký hoạt động.

4. Chính phủ quy định cụ thể về việc thành lập và hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

CHƯƠNG IV

CÁ NHÂN, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 24. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc bao gồm người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức chuyên môn.

2. Người giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu đích danh của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc được tổ chức chuyên môn được trung cầu, yêu cầu giám định phân công.

3. Tổ chức chuyên môn thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, theo yêu cầu của đương sự trong vụ việc dân sự theo quy định của Luật này.

Điều 25. Người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Người giám định tư pháp theo vụ việc là những người có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực cần giám định và có uy tín trong lĩnh vực đó, không phải là giám định viên tư pháp.

2. Người giám định tư pháp theo vụ việc có quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 31 của Luật này.

Điều 26. Tổ chức chuyên môn

1. Tổ chức chuyên môn có các điều kiện sau đây có thể được trưng cầu, yêu cầu thực hiện giám định tư pháp:

a) Được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

2. Tổ chức chuyên môn có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng theo quy định của Luật này.

Điều 27. Lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn

1. Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lựa chọn, lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại Điều 25, tổ chức chuyên môn quy định tại Điều 26 thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình để bảo đảm việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp.

Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi về Bộ Tư pháp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở chuyên môn có trách nhiệm cung cấp thông tin về năng lực của người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn đã được lập danh sách khi được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng yêu cầu.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định trong trường hợp người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn đã được công bố không đủ khả năng để thực hiện giám định đối với lĩnh vực cần giám định.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở chuyên môn quản lý lĩnh vực giám định có trách nhiệm cung cấp thông tin về cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện để thực hiện giám định tư pháp theo vụ việc ngoài danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

CHƯƠNG V HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 28. Trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức sau đây thực hiện giám định tư pháp (sau đây gọi chung là người được trưng cầu giám định tư pháp):

- a) Giám định viên tư pháp quy định tại Chương II của Luật này;
- b) Tổ chức giám định tư pháp quy định tại Chương III của Luật này;
- c) Người giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại Chương IV của Luật này;
- d) Tổ chức chuyên môn quy định tại Chương IV của Luật này.

2. Đương sự trong vụ việc dân sự có quyền tự yêu cầu cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện giám định tư pháp.

Điều 29. Quyền, nghĩa vụ của người trưng cầu giám định tư pháp

1. Người trưng cầu giám định có các quyền sau đây:

- a) Trưng cầu cá nhân, tổ chức quy định tại Luật này thực hiện giám định;
- b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định trả kết luận giám định đúng nội dung yêu cầu và thời hạn;
- c) Yêu cầu người thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định.

2. Người trưng cầu giám định có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Lựa chọn tổ chức hoặc cá nhân thực hiện giám định phù hợp với tính chất, yêu cầu của vụ việc cần giám định và chịu trách nhiệm về sự lựa chọn đó;
- b) Ra Quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;
- c) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp;

d) Tạm ứng phí giám định tư pháp khi trưng cầu giám định; thanh toán đầy đủ phí giám định cho cá nhân, tổ chức, thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định;

đ) Bảo đảm an toàn cho người giám định tư pháp trong quá trình thực hiện giám định hoặc khi tham gia tố tụng với tư cách là người giám định tư pháp.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp

1. Người yêu cầu giám định tư pháp quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Luật này có các quyền sau đây:

- a) Yêu cầu cá nhân, tổ chức quy định tại Luật này thực hiện giám định;
- b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định trả kết luận giám định đúng nội dung yêu cầu và trong thời hạn đã thỏa thuận;

c) Yêu cầu người thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định, tham gia phiên tòa với tư cách là người giám định tư pháp.

2. Người yêu cầu giám định tư pháp quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Luật này có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu giám định bằng văn bản;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu do mình cung cấp.

c) Nộp tạm ứng phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán đầy đủ phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định;

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Quyền, nghĩa vụ của người thực hiện giám định tư pháp

1. Người thực hiện giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu giám định;

b) Sử dụng kết quả xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định;

c) Độc lập đưa ra kết luận giám định;

d) Được bảo đảm an toàn khi thực hiện giám định hoặc khi tham gia tố tụng với tư cách là người giám định tư pháp;

2. Người thực hiện giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp;

b) Thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu giám định;

c) Thực hiện giám định theo đúng thời hạn yêu cầu; trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định thì phải thông báo kịp thời cho người trưng cầu giám định biết;

d) Lập hồ sơ giám định;

đ) Bảo quản các mẫu vật giám định, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định;

e) Giữ bí mật về kết quả giám định, thông tin và tài liệu giám định;

g) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

3. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có quyền sau:

a) Từ chối thực hiện giám định nếu tổ chức không có đủ điều kiện cần thiết phục vụ cho việc thực hiện giám định;

b) Được tạm ứng phí giám định tư pháp khi nhận trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán đầy đủ phí giám định tư pháp khi trả kết quả giám định.

c) Trong trường hợp đã bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này thì được yêu cầu người thực hiện giám định tư pháp do mình phân công bồi hoàn thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ sau:

a) Tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định có khả năng chuyên môn phù hợp với nội dung trung cầu, yêu cầu giám định và chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó.

Trong trường hợp cần có nhiều người thực hiện vụ việc giám định thì người đứng đầu tổ chức phải phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định đó;

b) Bảo đảm về trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định;

c) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định do mình phân công kết luận giám định sai, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyết định trung cầu giám định tư pháp

1. Quyết định trung cầu giám định bằng văn bản được gửi cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật này.

2. Quyết định trung cầu giám định phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên cơ quan trung cầu giám định; họ, tên người có thẩm quyền trung cầu giám định;

b) Tên tổ chức; họ, tên người được trung cầu giám định;

c) Tên đối tượng cần giám định;

d) Nguồn gốc và đặc điểm của đối tượng giám định;

đ) Tên các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

e) Nội dung yêu cầu giám định;

g) Ngày, tháng, năm trung cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.

3. Trường hợp trung cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại thì trong Quyết định trung cầu giám định phải ghi rõ là trung cầu giám định bổ sung hoặc trung cầu giám định lại.

Điều 34. Yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự

1. Đương sự trong vụ việc dân sự gửi văn bản yêu cầu giám định tư pháp đến cá nhân, tổ chức quy định tại Điều Khoản 1 Điều 28 để yêu cầu thực hiện giám định tư pháp. Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên tổ chức hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;
- d) Nội dung yêu cầu giám định;
- đ) Tên, nguồn gốc và đặc điểm của đối tượng giám định;
- e) Tên các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);
- g) Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;
- h) Chữ ký, họ tên người yêu cầu giám định.

2. Đương sự trong vụ việc dân sự phải gửi kèm theo văn bản yêu cầu giám định tư pháp Bản sao Giấy tờ chứng minh người yêu cầu giám định là đương sự.

3. Đương sự trong vụ việc dân sự có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tòa án thụ lý vụ việc biết về việc mình đã yêu cầu giám định tư pháp.

Điều 35. Giao, nhận đối tượng giám định

1. Đối tượng giám định có thể được gửi qua đường bưu chính hoặc giao, nhận trực tiếp kèm theo Quyết định trưng cầu, văn bản yêu cầu giám định tư pháp.

2. Trường hợp giao, nhận trực tiếp đối tượng giám định thì phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận đối tượng giám định phải có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm giao, nhận đối tượng giám định;
- b) Họ, tên người đại diện của bên giao và bên nhận đối tượng giám định;
- c) Đối tượng cần giám định;
- d) Cách thức bảo quản đối tượng giám định khi giao, nhận;
- đ) Tình trạng đối tượng giám định khi giao, nhận;
- e) Tài liệu hoặc đồ vật liên quan và bản ảnh kèm theo (nếu có);
- g) Chữ ký của bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

3. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau khi việc giám định đã hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 36. Giám định cá nhân, giám định tập thể

1. Giám định cá nhân là việc giám định do một người thực hiện. Giám định tập thể là việc giám định do hai người trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định thực hiện toàn bộ việc giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình.

3. Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực chuyên môn thì những người giám định cùng thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó; nếu có ý kiến khác nhau thì mỗi người giám định ghi riêng ý kiến kết luận vào bản kết luận giám định chung và chịu trách nhiệm về ý kiến đó.

Trong trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

4. Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trung cầu giám định mà những người được trung cầu giám định không cùng thuộc tổ chức thì Bộ, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn về giám định hoặc Sở chuyên môn có trách nhiệm chỉ định người làm đầu mối và bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho việc thực hiện giám định tư pháp.

Người làm đầu mối có trách nhiệm phân công người giám định tư pháp thực hiện giám định, trao đổi với người trung cầu giám định về các vấn đề có liên quan đến vụ việc giám định và tổ chức thực hiện các công việc khác phục vụ cho việc giám định.

Điều 37. Hội đồng giám định tư pháp

1. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một vấn đề cần giám định giữa các tổ chức giám định thì việc giám định lần thứ hai do Hội đồng giám định thực hiện.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập Hội đồng để thực hiện giám định lại lần thứ hai theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương. Hội đồng giám định gồm có ít nhất ba thành viên là những người có trình độ chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định.

2. Trong trường hợp Hội đồng giám định quy định tại Khoản 1 Điều này đã thực hiện giám định lại lần thứ hai thì không thực hiện giám định lại nữa, trừ trường hợp đặc biệt do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

Điều 38. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định

1. Người thực hiện giám định phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình thực hiện giám định bằng văn bản.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định phải được lưu trong hồ sơ giám định.

Điều 39. Kết luận giám định

1. Kết luận giám định tư pháp là nhận xét, đánh giá bằng văn bản của người giám định tư pháp về đối tượng giám định theo nội dung trung cầu, yêu cầu giám định. Kết luận giám định phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên người thực hiện giám định;
- b) Tên cơ quan tiến hành tố tụng hoặc họ, tên người tiến hành tố tụng trung cầu giám định số văn bản trung cầu giám định; hoặc họ, tên người tham gia tố tụng yêu cầu giám định;
- c) Thời gian nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định;
- d) Nội dung yêu cầu giám định;
- đ) Phương pháp thực hiện giám định;
- e) Kết luận về đối tượng giám định;
- g) Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định.

2. Bản kết luận giám định phải có chữ ký của người thực hiện giám định tư pháp; trong trường hợp tổ chức được trung cầu giám định thì bản kết luận giám định còn phải được người đứng đầu tổ chức đó ký tên, đóng dấu.

3. Đương sự trong vụ việc dân sự đã yêu cầu giám định có trách nhiệm gửi kết luận giám định đến Toà án đã thụ lý vụ việc trước khi có Quyết định đưa vụ việc ra xét xử.

4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã trung cầu giám định tư pháp có trách nhiệm thông báo về việc sử dụng kết quả giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp.

5. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận kết luận giám định và đưa vào hồ sơ vụ án; xem xét, đánh giá các kết luận giám định do đương sự trong vụ việc dân sự cung cấp. Trong trường hợp không chấp nhận kết luận giám định đó thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do về việc không chấp nhận cho người đã cung cấp kết luận giám định.

Điều 40. Hồ sơ giám định

1. Hồ sơ giám định do người thực hiện giám định tư pháp lập và gồm có các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản trung cầu, yêu cầu giám định;
- b) Biên bản giao, nhận đối tượng giám định;
- c) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định;
- d) Bản ảnh giám định (nếu có);
- đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện;
- e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có);
- g) Kết luận giám định.

2. Hồ sơ giám định được lưu giữ ít nhất ba mươi năm, kể từ ngày kết thúc việc giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ giám định do mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Hồ sơ giám định được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết vụ án, vụ việc.

Điều 41. Những trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp

1. Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

a) Đã tiến hành tố tụng với tư cách là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án hoặc đã tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người phiên dịch trong vụ án đó;

b) Đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo;

c) Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong một vụ án mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng người đó có thể không vô tư trong khi thực hiện giám định.

2. Tổ chức thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được nhận thực hiện giám định tư pháp:

a) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng;

b) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng tổ chức này có thể không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định.

Điều 42. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với người giám định tư pháp

1. Từ chối kết luận giám định mà không có lý do chính đáng.

2. Cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật.

3. Lợi dụng việc thực hiện giám định để trục lợi.

4. Tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết được khi tham gia tố tụng hình sự với tư cách là giám định viên tư pháp; tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định đối với các vụ án khác.

Điều 43. Trưng cầu và sử dụng kết luận giám định do cá nhân, tổ chức ở nước ngoài thực hiện

1. Trong trường hợp khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của tổ chức thực hiện giám định tư pháp, người giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định hoặc khi xét thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cá nhân, tổ chức ở nước ngoài thực hiện giám định.

2. Việc yêu cầu cá nhân tổ chức ở nước ngoài thực hiện giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

3. Kết luận giám định do cá nhân tổ chức ở nước ngoài thực hiện được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng sử dụng như kết luận giám định tư pháp do giám định viên tư pháp quy định tại Chương II, tổ chức giám định tư pháp quy định tại Chương III, người giám định tư pháp pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn quy định tại Chương IV của Luật này thực hiện.

CHƯƠNG VI PHÍ, CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 44. Phí giám định tư pháp

1. Người trung cầu giám định tư pháp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính và người yêu cầu giám định trong vụ việc dân sự có trách nhiệm tạm ứng và trả phí giám định tư pháp cho người được trung cầu và thực hiện giám định tư pháp.

2. Bộ Tài chính quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp đối với từng lĩnh vực giám định theo đề nghị của Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý lĩnh vực giám định tư pháp.

Điều 45. Chi trả phí giám định tư pháp

1. Đối với các vụ án hình sự, phí giám định tư pháp do cơ quan trung cầu giám định tư pháp trả và được cấp từ ngân sách nhà nước theo dự toán hàng năm của cơ quan đó.

2. Đối với các vụ việc dân sự, vụ án hành chính thì phí giám định tư pháp do đương sự chịu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật tố tụng hành chính.

Điều 46. Chi phí dịch vụ giám định ngoài tố tụng

1. Cá nhân, tổ chức đã yêu cầu thực hiện dịch vụ giám định ngoài tố tụng có trách nhiệm trả chi phí giám định cho cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định.

2. Mức chi phí giám định được thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản giữa cá nhân, tổ chức yêu cầu thực hiện dịch vụ giám định ngoài tố tụng và cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

Điều 47. Chế độ đối với người giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, ngoài tiền lương được hưởng theo ngạch bậc chuyên môn còn được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc giám.

2. Người giám định tư pháp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi thực hiện giám định thì được hưởng thù lao giám định tư pháp từ cá nhân, tổ chức trung cầu, yêu cầu giám định.

3. Giám định viên tư pháp chuyên trách trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự và các lĩnh vực khác có ngạch bậc lương riêng, được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên và chế độ phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên đối với giám định viên tư pháp chuyên trách.

Điều 48. Chính sách đãi ngộ khác

1. Tổ chức thực hiện giám định tư pháp được hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng, đất đai, thuế và các chính sách khác theo quy định của Chính phủ.

2. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp có thể được phong tặng danh hiệu cao quý, được vinh danh theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tiễn và thẩm quyền của mình, Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quy định chế độ, chính sách khác để thu hút các chuyên gia, các tổ chức chuyên môn có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 49. Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

2. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

3. Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện việc quản lý và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc Bộ, ngành mình quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ của mình, bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

Điều 50. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp

1. Ban hành hoặc soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp và hướng dẫn thi hành các văn bản đó.

2. Có ý kiến về việc thành lập cơ quan giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quyết định của các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn.

3. Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng quy trình, quy chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp.

4. Xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

5. Đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; yêu cầu Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

6. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo thẩm quyền.

7. Thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về giám định tư pháp.

8. Tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp trong phạm vi toàn quốc.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Ban hành hoặc soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý và hướng dẫn thi hành các văn bản đó.

2. Ban hành quy trình, quy chuẩn chuyên môn giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc Bộ, ngành mình quản lý.

3. Quyết định thành lập cơ quan giám định tư pháp theo thẩm quyền.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; bảo đảm số lượng và chất lượng giám định viên tư pháp thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý.

5. Lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại Điều 25, tổ chức chuyên môn quy định tại Điều 26 của Luật này.

6. Bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

7. Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc Bộ, ngành mình quản lý theo thẩm quyền.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về giám định tư pháp thuộc lĩnh vực Bộ, ngành mình quản lý.

9. Tổng kết, báo cáo Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc Bộ, ngành mình quản lý và gửi về Bộ Tư pháp.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

1. Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 của Luật này, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập cơ quan giám định tư pháp theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp củng cố, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ mình theo quy định Luật này.

c) Bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho cơ quan giám định tư pháp thuộc Bộ mình quản lý.

d) Bồi dưỡng nghiệp vụ giám định và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ giám định theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 của Luật này.

2. Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng còn có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê về trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc ngành mình.

b) Hướng dẫn cơ quan tiến hành tố tụng thuộc ngành mình trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về trung cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp.

c) Hướng dẫn, bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc ngành mình; kịp thời chi trả phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

d) Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp, gửi kết quả thống kê, báo cáo về tình hình trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc ngành mình về Bộ Tư pháp để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các cơ quan giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của Luật này.

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; bảo đảm số lượng và chất lượng giám định viên tư pháp ở địa phương.

c) Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương.

d) Lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại Điều 25, tổ chức chuyên môn quy định tại Điều 26 của Luật này.

đ) Bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động, cơ sở vật chất và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho cơ quan giám định tư pháp ở địa phương.

e) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp ở địa phương.

g) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp theo thẩm quyền.

h) Tổng kết, báo cáo Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương.

Sở chuyên môn thực hiện việc quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương.

Điều 54. Trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân

1. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê về trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân.

b) Hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về trung cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp.

c) Hướng dẫn, bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân; kịp thời chi trả phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

d) Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp, gửi kết quả thống kê, báo cáo về tình hình trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân về Bộ Tư pháp để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp

2. Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện việc thống kê về trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp ở địa phương theo hướng dẫn của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp của Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; kịp thời chi trả phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

c) Định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi kết quả thống kê và báo cáo về tình hình trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp của Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện về Sở Tư pháp và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để phục vụ cho hoạt động quản lý giám định tư pháp.

Điều 55. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân

1. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê về trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Tòa án.

b) Hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về trung cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp.

c) Hướng dẫn, bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân; kịp thời chi trả phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

d) Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp, gửi kết quả thống kê, báo cáo về tình hình trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân về Bộ Tư pháp để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện việc thống kê về trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp ở địa phương theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

c) Bảo đảm kinh phí chi trả phí giám định tư pháp của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; kịp thời chi trả phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

e) Định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi kết quả thống kê và báo cáo về tình hình trung cầu, thực hiện giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện về Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao để phục vụ cho hoạt động quản lý giám định tư pháp.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn việc củng cố, kiện toàn tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần theo quy định của Luật này.

Trong thời hạn một năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần ở địa phương theo quy định của Luật này.

2. Giám định viên tư pháp đã được bổ nhiệm theo quy định của Pháp lệnh giám định tư pháp thì không thực hiện bổ nhiệm lại.

Trong thời hạn một năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát lại tiêu chuẩn của giám định việc tư pháp thuộc Bộ, ngành mình quản lý; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 của Luật này đối với giám định viên tư pháp chưa có Chứng chỉ.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng năm.....

Pháp lệnh giám định tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 58. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn các điều, khoản được giao trong Luật này; hướng dẫn thi hành những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

Hà Nội, ngày...tháng...năm

T/M QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH